

Biểu 05

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ BỔ SUNG NĂM 2022 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+...+(19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
I	Thành phố Sa Đéc	14,0000	0,0000	14,0000	2,6000	10,0300	0,0000	0,0000	0,0000	1,3700	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Khu đô thị Tân Thuận, phường An Hòa	14,0000		14,0000	2,6000	10,0300				1,3700									Phường An Hòa	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
II	Huyện Tam Nông	35,1000	0,0000	35,1000	35,1000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Khu thương mại, dịch vụ quanh Hồ điều hòa	9,3000		9,3000	9,3000														thị trấn Tràm Chim	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
2	Khu dân cư đường Nguyễn Huệ	7,9000		7,9000	7,9000														thị trấn Tràm Chim		
3	Khu dân cư phía Bắc đê bao biến đổi khí hậu	8,3000		8,3000	8,3000														thị trấn Tràm Chim		
4	Khu thương mại, dịch vụ kết hợp dân cư quanh Hồ điều hòa	9,6000		9,6000	9,6000														thị trấn Tràm Chim		
XI	Huyện Tháp Mười	10,2116	0,0000	10,2116	6,9675	1,4238	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,1631	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	1,6572			
1	Khu đô thị Bắc Mỹ An giai đoạn 2	10,2116		10,2116	6,9675	1,4238						0,1631						1,6572	thị trấn Mỹ An	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
Tổng		59,3116	0,0000	59,3116	44,6675	11,4538	0,0000	0,0000	0,0000	1,3700	0,0000	0,1631	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	1,6572			

Biểu 04

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG LÀM BỔ SUNG NĂM 2022 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

Biểu 03

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG TRONG NĂM 2022 TỈNH ĐỒNG THÁP
VỐN HUYỆN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
I	Thành phố Cao Lãnh	0,3000	0,0000	0,3000	0,0000	0,3000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Cầu rạch chanh	0,3000		0,3000		0,3000													xã Mỹ Trà và phường Mỹ Phú	Quyết định số 2792/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2021 của UBND thành phố Cao Lãnh về việc phân bổ vốn năm 2022	
II	Huyện Hồng Ngự	20,9613	0,0000	20,9613	7,4508	7,7000	0,9000	0,0000	0,6000	0,3500	0,0300	1,1000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	2,8305			
1	Trường Tiểu học Phú Thuận A2	1,3093		1,3093	1,2408													0,0685	xã Phú Thuận A	Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện phê duyệt kế hoạch vốn năm 2022.	
2	Đường Đ-07 (đoạn 1)	0,5250		0,5250		0,0500	0,2500			0,2250									thị trấn Thường Thới Tiền		
3	Đường cấp ranh Trường THPT Hồng Ngự 3	0,4750		0,4750		0,3500				0,1250									thị trấn Thường Thới Tiền		
4	Điểm trung chuyển chất thải rắn xã Phú Thuận A	4,9000		4,9000	4,9000														xã Phú Thuận A		
5	Đường vào đê bao 2600ha	1,0000		1,0000	1,0000														thị trấn Thường Thới Tiền		
6	Khu dân cư thị trấn Thường Thới Tiền	1,5000		1,5000			0,4000					1,1000							thị trấn Thường Thới Tiền		
7	Đường Giồng Long Khánh A-B	0,5000		0,5000		0,4900					0,0100								xã Long Khánh B, xã Long Khánh A		
8	Đường đầu nối Cụm dân cư Giồng Dúi ra đường ĐT 841	0,5220		0,5220	0,3100	0,0300					0,0200							0,1620	xã Thường Phước 1		
9	Đường đầu nối Tuyến dân cư đường tắt số 3 đến Bến dò Long Thuận	0,6300		0,6300		0,3800	0,2500												xã Long Thuận		
10	Tuyến dân cư Hồ Cù Chi	9,6000		9,6000		6,4000			0,6000									2,6000	xã Long Khánh A, xã Long Khánh B	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
III	Huyện Cao Lãnh	6,7900	0,4500	6,3400	0,0000	1,1300	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	1,8000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	1,7900	0,0000	1,6200			

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
1	Trường Tiểu học Bình Thạnh 2 (điểm chính và điểm phụ)	1,1500	0,2600	0,8900		0,6300					0,2600								xã Bình Thạnh	Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Cao Lãnh về việc giao vốn năm 2022		
2	Đường vào Trường TH cơ sở Phương Trà	4,8700		4,8700							1,4600					1,7900		1,6200	xã Phương Trà			
3	Trường Tiểu học Mỹ Xương (điểm Mỹ Thạnh)	0,7700	0,1900	0,5800		0,5000					0,0800								xã Mỹ Xương			
IV	Huyện Tân Hồng	2,5800	0,0000	2,5800	0,1900	0,7400	0,0500	0,0000	0,0000	1,6000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Khắc phục sạt lở kênh Sa Trung	0,0400		0,0400		0,04													xã Tân Thành A	Quyết định số 34/QĐ-UBND.HC ngày 17/01/2022 của UBND huyện về việc giao vốn năm 2022		
2	Công trình khắc phục sạt lở Tân Tiến, hạng mục: Đường dẫn, khắc phục sạt lở	0,0900		0,0900	0,0500	0,0400													xã Tân Phước			
3	Nâng cấp hệ thống giao thông thoát nước chống ngập úng Thị trấn Sa Rài (giai đoạn 2)	2,2600		2,2600	0,1200	0,5800				1,5600									thị trấn Sa Rài	Quyết định số 14/QĐ-UBND.HC ngày 13/01/2022 của UBND huyện về việc giao vốn năm 2022		
4	Đường Ngô Quyền	0,1900		0,1900	0,02	0,08	0,0500			0,0400									thị trấn Sa Rài	Quyết định số 82/QĐ-UBND.HC ngày 16/02/2022 của UBND huyện về việc giao vốn năm 2022		
V	Huyện Thanh Bình	9,0000	0,0000	9,0000	7,8800	0,2000	0,0000	0,0000	0,0000	0,3200	0,0000	0,6000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Tân Mỹ	0,3000		0,3000	0,10							0,2000							xã Tân Mỹ	Quyết định số 590/QĐ-UBND.HC ngày 22/12/2021 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn năm 2022		
2	Trường mẫu giáo Tân Mỹ (điểm chính)	0,4500		0,4500	0,15							0,3000							xã Tân Mỹ			
3	Tổ hợp thể thao xã Tân Phú	0,5500		0,5500	0,45							0,1000							xã Tân Phú	Quyết định số 180/QĐ-UBND.HC ngày 07/3/2022 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn năm 2022		

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
4	Đường trục Đ-03 (rạch Đốc Vàng Hạ-Võ Văn Kiệt)	7,7000		7,7000	7,1800	0,2000				0,3200										Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
VI	Huyện Tam Nông	24,2600	5,2000	19,0600	10,1000	6,2500	0,0000	0,0000	1,5800	0,0000	1,1300	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Trường Tiểu học Phú Ninh A	0,5000	0,30	0,2000		0,1500					0,0500								xã Phú Ninh	Quyết định số 1279/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2021 của UBND huyện về việc kế hoạch vốn năm 2022		
2	Cầu qua kênh Kháng Chiến, xã Phú Thành A	0,2500	0,10	0,1500	0,1000	0,0500													xã Phú Thành A			
3	Trường Tiểu học Phú Hiệp B (điểm chính)	0,5000	0,30	0,2000		0,1500				0,0500									xã Phú Hiệp			
4	Trường Mầm non Hoa Sen	0,5900	0,10	0,4900		0,3000				0,1900									xã Phú Cường			
5	Đường số 07 (đoạn từ Quốc lộ 30 đến Cùm dân cư An Phú)	0,3800		0,3800					0,3800										xã An Long	Quyết định số 2432/QĐ-UBND-HC ngày 24/12/2021 của UBND huyện về việc kế hoạch vốn năm 2022		
6	Trường Mầm non Phú Đức	0,5400	0,40	0,1400						0,1400									xã Phú Đức	Quyết định số 2431/QĐ-UBND-HC ngày 24/12/2021 của UBND huyện về việc kế hoạch vốn năm 2022		
7	Phát triển đô thị - Chợ An Long (giai đoạn 1)	7,8000	1,00	6,8000		5,2000			1,0000		0,6000								xã An Long	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
8	Đường bờ Đông kênh Mười Tài	8,7000	3,00	5,7000	5,7000														xã Phú Cường			
9	Đường kết nối đường ĐT.843 và ĐT.855	5,0000		5,0000	4,3000	0,4000			0,2000		0,1000								thị trấn Trâm Chim			
VII	Huyện Lai Vung	2,9481	0,3432	2,6048	1,0369	1,5409	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0270	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Trường Tiểu học Tân Thành 3	0,6019	0,1267	0,4753	0,1610	0,3143													xã Tân Thành	Quyết định số 170/QĐ-UBND-HC ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giao kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách nhà		
2	Tổ hợp thể thao xã Phong Hòa	1,1466	0,2166	0,9301	0,8760	0,0541													xã Phong Hòa			

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
3	Trường Trung học cơ sở Long Hậu	1,1995		1,1995		1,1725					0,0270								xã Long Hậu	ngân sách nhà nước năm 2022 do tỉnh quản lý và phân bổ (đợt 2)		
VIII	Huyện Lấp Vò	45,5500	0,0000	45,5500	19,0800	17,3800	0,6000	0,0000	1,3600	0,0600	0,2700	0,0000	2,2000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	4,6000				
1	Trường Trung học cơ sở Định Yên; Hạng mục: Bồi thường, xây dựng 22 phòng học, 39 phòng chức năng và các hạng mục phụ	4,0000		4,0000	1,9400	1,5800					0,0800							0,4000	xã Định Yên	Quyết định số 1824/QĐ-UBND.HC ngày 31/12/2021 của UBND huyện Lấp Vò về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022		
2	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh Trung; Hạng mục: Bồi thường, xây dựng mới 15 phòng học, 18 phòng chức năng và các hạng mục phụ	1,0100		1,0100	0,7500	0,2500					0,0100								xã Bình Thạnh Trung			
3	Đường Bà Triệu ; Hạng mục: Đắp nổi đoạn còn lại vào đường ĐT.852B	0,0500		0,0500	0,0500														xã Bình Thạnh Trung			
4	Đường rạch Ngã Cay (đoạn từ rạch Cái Dầu đến Vòng xoay Nguyễn Huệ); Hạng mục: Bồi thường, xây dựng	1,5600		1,5600	0,5000	0,2000				0,0600								0,8000	Thị trấn Lấp Vò			
5	Trường Mầm non Long Hưng A; Hạng mục: Bồi thường, xây dựng 13 phòng học, 16 phòng chức năng và các hạng mục phụ	1,1500		1,1500	0,5000	0,6000					0,0500								xã Long Hưng A			
6	Đường Đ2 trung tâm xã Vĩnh Thạnh (đoạn từ đường Cai Bường đến Dự án đường ĐT.849 nối dài); Hạng mục: Bồi thường, xây dựng	0,8800		0,8800	0,4800	0,4000													xã Vĩnh Thạnh			
7	Chợ Đất Sét; Hạng mục: Sân đan, nhà lồng chợ ẩm thực, hạ tầng kỹ thuật	0,2000		0,2000	0,0500	0,1500													xã Mỹ An Hưng B			
8	Bia tường niệm vụ thảm sát rạch Mương Chùa; Hạng mục: Bồi thường và xây dựng	0,4000		0,4000	0,2000	0,2000													xã Hội An Đông			
9	Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên)	24,0000		24,0000	9,3000	9,4000			1,3000				1,5000					2,5000	thị trấn Lấp Vò, xã Bình Thành	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
10	Khu dân cư đường Đ 5; Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng	5,0000		5,0000	3,2000	1,7000			0,0600		0,0400								xã Vĩnh Thạnh			

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
11	Khu dân cư đường Đ 13; Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng	7,3000		7,3000	2,1100	2,9000	0,6000				0,0900		0,7000					0,9000	xã Định Yên	uy		
IX	Thành phố Hồng Ngự	9,7000	0,0000	9,7000	7,0000	0,1000	1,8500	0,0000	0,0000	0,1700	0,0000	0,0000	0,0200	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,5600				
1	Khu dân cư Bờ Nam - phường An Lộc (tái định cư dự án: Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng)	9,7000		9,7000	7,0000	0,1000	1,8500			0,1700			0,0200					0,5600	phường An Lộc	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
X	Huyện Châu Thành	18,6000	0,0000	18,6000	17,1500	0,7800	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,2000	0,0500	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,4200				
1	Đường vành đai phía Nam (đoạn từ khu dân cư Cái Tàu Hạ đến Tân Nhuận Đông)	10,5000		10,5000	10,5000														xã An Nhơn, xã Tân Nhuận Đông và thị trấn Cái Tàu Hạ	Thông báo số 1241-TB/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy		
2	Đường nối ĐT 853 mới – ĐT 853 cũ – Gò Đền (đoạn từ cầu Bình Tiên đến cầu ngang Chợ Phú Long và hệ thống cầu, cống)	8,1000		8,1000	6,6500	0,7800						0,2000	0,0500					0,4200	xã Phú Long, xã Tân Bình			
Tổng		140,6894	5,9932	134,6961	69,8877	36,1209	3,4000	0,0000	3,5400	2,5000	3,2570	1,9000	2,2700	0,0000	0,0000	1,7900	0,0000	10,0305				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG TRONG NĂM 2022 TỈNH ĐỒNG THÁP
VỐN TÌNH ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
I	Ban Quản lý khu kinh tế	0,3740	0,0000	0,3740	0,0980	0,1670	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0380	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0710				
1	Dự án Tuyến đường D-01 nối từ cụm công nghiệp Quảng Khánh đến Quốc lộ 30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh	0,3740		0,3740	0,0980	0,1670					0,0380							0,0710	xã An Bình, huyện Cao Lãnh	Quyết định số 428/QĐ-UBND.HC ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh giao kế hoạch vốn năm 2022		
II	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	2,1308	1,7578	0,3730	0,0000	0,2760	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0970				
1	Trường Trung học phổ thông Hồng Ngự 3	2,1308	1,7578	0,3730		0,2760												0,0970	thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	Quyết định số 170/QĐ-UBND.HC ngày 28/2/2022 của UBND tỉnh giao kế hoạch vốn năm 2022		
III	Huyện Hồng Ngự	1,2250	0,0000	1,2250	0,0000	0,8000	0,2000	0,0000	0,0000	0,2250	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Đường Đ-07	1,2250		1,2250		0,8000	0,2000			0,2250									thị trấn Thường Thới Tiền	Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND huyện phê duyệt kế hoạch vốn năm 2022.		
IV	Huyện Thanh Bình	11,0000	0,0000	11,0000	5,0000	1,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	1,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	4,0000				
1	Đường kênh 2/9 (từ Kênh Đường Gạo đến ranh Phong Mỹ)	11,0000		11,0000	5,0000	1,0000					1,0000							4,0000	xã Tân Phú, xã Bình Thành	Quyết định số 1981/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn năm 2022		
V	Thành phố Cao Lãnh	4,2000	1,0000	3,2000	1,0000	1,0000	1,0000	0,0000	0,0000	0,1000	0,1000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Dự án kè Hồ Cừ	4,2000	1,0000	3,2000	1,0000	1,0000	1,0000			0,1000	0,1000								xã Hòa An, phường 6	Quyết định số 1981/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn năm 2022		

[illegible]

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG TRONG NĂM 2022 TỈNH ĐỒNG THÁP
VỐN TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

